

TÍNH NHẤT QUÁN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

TS LÊ VĂN LỢI*

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta luôn quan tâm tới vấn đề tôn giáo, coi đó là "vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng"¹. Do đó, cùng với quá trình đổi mới toàn diện mọi mặt của đời sống xã hội, Đảng không ngừng hoàn thiện chính sách tôn giáo. Chính sách tôn giáo của Đảng trong thời kỳ đổi mới đất nước thể hiện sự nhất quán về thái độ ứng xử và phản ánh sự phát triển nhận thức của Đảng về tôn giáo.

Tính nhất quán trong quan điểm, chính sách của Đảng về tôn giáo thể hiện ở sự tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Nguyên tắc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo không phải mới xuất hiện trong thời kỳ đổi mới mà đã được khẳng định từ rất sớm trong văn kiện của Đảng. Trong *Chỉ thị* về việc thành lập Hội phản đế đồng minh, ngày 18-11-1930, Đảng ta đã nêu rõ: "... phải lãnh đạo từng tập thể sinh hoạt hay tập đoàn của nhân dân gia nhập một tổ chức cách mạng, để dần dần cách mạng hoá quần chúng và lại *bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng* của quần chúng"². NQTƯ 7 (tháng 11 - 1940) đã xác định, cùng với các quyền tự do dân chủ khác, quyền

tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một mục tiêu của cách mạng. Nghị quyết nhấn mạnh: "Cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương thực hiện những khẩu hiệu như sau đây: ... Ban bố hiến pháp dân chủ, ban bố những quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, *tự do tín ngưỡng*..."³ (TG nhấn mạnh). Trong chương trình hoạt động của Mặt trận Việt Minh (1941), tự do tín ngưỡng, tôn giáo một lần nữa được thừa nhận là quyền tự do, dân chủ của nhân dân và được xác định là một nội dung cần thực hiện khi cách mạng thành công. Chương trình Việt Minh ghi rõ: "Chính trị: 1. Thi hành phổ thông bầu cử; 2. Ban hành các quyền tự do dân chủ như: tự do xuất bản, tự do ngôn luận, *tự do tín ngưỡng*..."⁴ (TG nhấn mạnh).

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời, đã tuyên bố "tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết" và thực hiện ngay những biện pháp cần thiết để bảo đảm quyền tự do, dân chủ, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng nhân dân. Tiếp đó, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận trong Hiến pháp đầu tiên của nước ta. Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà năm 1946 ghi nhận: "Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận; Tự do xuất bản; Tự do tổ chức và hội họp; *Tự do tín*

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

ngưỡng (TG nhấn mạnh); Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài"⁵. Trong tất cả các bản Hiến pháp của Nhà nước ta sau này đều khẳng định tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Như vậy, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng ta xác định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một mục tiêu đấu tranh cách mạng. Sau khi nước ta được độc lập, chính quyền đã về tay nhân dân, Đảng ta đã có bước phát triển mới trong chính sách tôn giáo khi khẳng định rằng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng nhân dân là một nội dung của công cuộc xây dựng xã hội mới.

Tính nhất quán trong chính sách tôn giáo của Đảng còn thể hiện ở chỗ Đảng luôn giữ nguyên tắc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó đồng bào tôn giáo là một bộ phận của dân tộc Việt Nam. Trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc, Đảng luôn chủ trương đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong lực lượng cách mạng. Điều lệ của Mặt trận Việt Minh ghi rõ: "Việt Minh kết nạp từng đoàn thể, không cứ đảng phái, đoàn thể nào của người Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tôn giáo và xu hướng chính trị, hễ thừa nhận mục đích và chương trình của Việt Minh và được Tổng bộ Việt Minh thông qua thì được gia nhập Việt Minh"⁶. Chính sách đoàn kết lương giáo cũng là một trong những chính sách được công bố và thực hiện đầu tiên sau khi Nhà nước Việt Nam mới được thành lập. Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, ngày 3 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết"⁷. Chính sách tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết đã tập hợp được đông đảo đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần tạo nên động lực cách mạng to lớn trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đúng như NQTƯ 7 (Khoá IX) về công tác tôn giáo đã nhận

định: "Trong cách mạng dân tộc dân chủ, chính sách "tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết" do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân kháng chiến thắng lợi, giành độc lập thống nhất hoàn toàn cho đất nước"⁸.

Bước vào thời kỳ đổi mới, trong chính sách tôn giáo, cùng với việc tiếp tục giữ vững nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, đoàn kết đồng bào theo đạo và không theo đạo, đoàn kết giữa đồng bào theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng đã có những quan điểm đổi mới về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo.

Bước phát triển đầu tiên trong nhận thức của Đảng về tôn giáo trong thời kỳ đổi mới thể hiện ở Nghị quyết 24 của Bộ chính trị (năm 1990) về công tác tôn giáo. Đổi mới nhận thức về tôn giáo còn được thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), trong Hiến pháp năm 1992, trong các văn kiện Đại hội Đảng và nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Trong NQTƯ 5 (Khoá VIII), Đảng ta xác định một trong những nhiệm vụ chủ yếu để xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là thực hiện chính sách văn hoá đối với tôn giáo. Mặc dù trong Nghị quyết này không đề cập trực tiếp tới vấn đề nhận thức luận đối với tôn giáo nhưng có thể thấy rõ rằng, Đảng ta tiếp cận tôn giáo không chỉ về mặt chính trị mà còn tiếp cận về mặt văn hoá. Những đổi mới trong nhận thức về tôn giáo của Đảng thể hiện rõ trong Văn kiện Đại hội IX và đặc biệt là trong NQTƯ 7 (Khoá IX) ngày 12 - 3 - 2003 về công tác tôn giáo. Chúng ta có thể thấy rõ sự phát triển nhận thức của Đảng về tôn giáo ở một số phương diện sau:

Thứ nhất, Đảng khẳng định "Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân".

Trong nhiều tác phẩm của mình, các nhà kinh điển mácxít đã phân tích rõ bản chất, nguồn gốc và chức năng của tôn giáo trong đời sống xã hội. Theo C.Mác, tôn giáo là thế giới quan lộn ngược, vì bản thân cái xã hội sản sinh ra tôn giáo là thế giới lộn ngược. Các giai cấp bóc lột thống trị xã hội luôn tìm cách duy trì tôn giáo không phải vì nhu cầu tinh thần thật sự mà chỉ để duy trì trật tự xã hội có lợi cho chúng. Còn những quần chúng bị thống trị sống trong cảnh chịu nhiều áp bức, bất công và nghèo khổ lại tìm đến tôn giáo như một hình thức phản kháng lại trật tự xã hội mà trong đó con người bị tha hoá và bị khinh rẻ. Đồng thời, họ tìm thấy ở tôn giáo nhu cầu được an ủi, được bù đắp những thiếu hụt trong cuộc sống, cho dù đó là sự bù đắp hư ảo, sự an ủi hết sức mơ hồ. Do đó, trong xã hội có áp bức, bất công, "tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân"⁹.

Trong bối cảnh phải đấu tranh chống lại sự câu kết giữa giáo hội chính thống giáo và giai cấp tư sản phản động trong xã hội Nga đương thời, V.I Lênin đã tập trung vạch rõ nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Theo V.I Lênin, nguồn gốc của tôn giáo trong CNTB là sự áp bức, bất công đối với quần chúng lao động, sự áp bức đã đẩy họ đến chỗ "cùng khổ và đốt nát": "Sự bất lực của giai cấp bị bóc lột trong cuộc đấu tranh chống bọn bóc lột tất nhiên để ra lòng tin vào một cuộc đời tốt đẹp hơn ở thế giới bên kia"¹⁰.

Như vậy, C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I Lênin đều nhìn nhận tôn giáo là nhu cầu của quần chúng nghèo khổ, nhưng đó là nhu cầu của quần chúng nhân dân trong xã hội do giai cấp bóc lột thống trị. Còn trong xã hội do giai cấp công nhân lãnh đạo, người dân làm chủ đất nước, làm chủ xã hội thì tôn

giáo có còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân hay không? Trước đây, đã có một số cán bộ, đảng viên cho rằng, tôn giáo là "tàn dư" của xã hội cũ. Theo đó, sự tồn tại của tôn giáo trong xã hội mới chỉ là do tập tục, thói quen của đồng bào có đạo hoặc do các thế lực thù địch với cách mạng tuyên truyền, nuôi dưỡng. Vì vậy, theo họ, tôn giáo không phải là nhu cầu chính đáng. Để khắc phục những nhận thức phiến diện về tôn giáo như đã nêu trên, trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã đưa ra quan điểm khẳng định: tôn giáo không chỉ là một truyền thống mà còn là nhu cầu chính đáng của một bộ phận quần chúng nhân dân. Quan điểm của Đảng coi tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân thể hiện sự quán triệt sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Quan điểm đó của Đảng cho thấy, tôn giáo không đơn thuần chỉ là sự nhận thức hư ảo về thế giới mà nó còn là nhu cầu tâm linh, nhu cầu văn hoá của một bộ phận nhân dân. Trong đời sống xã hội vẫn còn những yếu tố nhất định khiến một bộ phận quần chúng nhân dân vẫn còn nhu cầu tôn giáo. Đó có thể là những hoạn nạn, bất hạnh trong đời sống gia đình và cá nhân, là những nỗi âu lo về bệnh tật, về tương lai, những nỗi cô đơn trống trải trong cơ chế thị trường đầy rủi ro, cạnh bẫy.v.v. Nhưng hơn hết, với tôn giáo, tín ngưỡng của mình, đồng bào có đạo có thể giải bày mong muốn được sống hạnh phúc trong tình yêu thương và khát vọng vươn tới chân, thiện, mỹ. Với việc thừa nhận tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, Đảng ta đã làm sâu sắc hơn nhận thức về nguồn gốc, bản chất tôn giáo. Qua đó, thể hiện rõ sự thấm nhuần tinh thần nhân văn cao cả trong nhận thức và thái độ nhìn nhận, ứng xử của Đảng ta đối với tôn giáo.

Thứ hai, Đảng ta đã có sự phát triển nhận thức về sự tồn tại của tôn giáo trong xã hội mới. Theo quan điểm của các nhà kinh điển mácxít, tôn giáo là

hiện tượng xã hội mang tính lịch sử. Dù là hiện tượng xuất hiện sớm trong lịch sử, nhưng tôn giáo không phải là hiện tượng tồn tại vĩnh viễn như một số nhà triết học tư sản hoặc các nhà thần học quan niệm. Về mặt lịch sử, tôn giáo ra đời trong xã hội nguyên thủy, cách nay khoảng 5 đến 12 vạn năm, khi loài người đã trải qua quá trình lịch sử lâu dài. Song về mặt nhận thức, vấn đề đặt ra là tôn giáo tồn tại đến bao giờ? Trên quan điểm duy vật lịch sử, C.Mác, Ph.Ăngghen đã phân tích đặc thù của hình thái ý thức tôn giáo và chỉ ra rằng, cũng giống như một số hình thái ý thức xã hội khác, tôn giáo sẽ tự tiêu vong, nhưng đó là cả một quá trình hết sức lâu dài. "Nói chung, sự phản ánh có tính chất tôn giáo của thế giới thực tại chỉ có thể mất đi khi nào mà những quan hệ trong đời sống thực tiễn hàng ngày của con người được biểu hiện bằng những mối quan hệ rõ ràng và hợp lý giữa người ta với nhau và với thiên nhiên"¹¹. C.Mác nhấn mạnh: "Nhưng điều đó đòi hỏi một cơ sở vật chất nhất định của xã hội, hoặc một loạt những điều kiện tồn tại vật chất nhất định, nhưng bản thân những điều kiện này cũng lại là sản phẩm tự nhiên của một quá trình phát triển lâu dài và đau khổ"¹². Chống lại quan điểm vô thần cực đoan của Đuyrinh, Ph.Ăngghen đã khẳng định: "... khi nào con người không chỉ mưu sự mà lại còn làm cho thành sự nữa, thì khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh trong tôn giáo mới sẽ mất đi, và cùng với nó bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi..."¹³. Như vậy, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đều có nhận thức về sự tồn tại lâu dài của tôn giáo. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử lúc đó, các ông chưa có điều kiện phân tích để khẳng định tôn giáo có tồn tại trong suốt thời kỳ xây dựng CNXH hay không. Chủ tịch Hồ Chí Minh, mặc dù ít đề cập đến tôn giáo về mặt nhận thức luận, nhưng từ quan điểm "nước có độc lập, tôn giáo mới tự do", Người quan niệm tôn giáo sẽ tồn tại lâu dài cùng dân tộc Việt Nam.

Kế thừa và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, NQTƯ 7 (Khoá IX) của Đảng đã khẳng định: tôn giáo đã và đang tồn tại cùng dân tộc trong suốt thời kỳ xây dựng CNXH. Quan điểm này cho thấy, tư duy, nhận thức của Đảng về sự tồn tại của tôn giáo đã có bước phát triển theo hướng cụ thể hơn. Nó giúp chúng ta thấy được tính khách quan của hiện tượng tôn giáo trong suốt thời kỳ xây dựng CNXH, đồng thời có tác dụng khắc phục những nhận thức giản đơn về tôn giáo trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Thứ ba, Đảng ta đã có bước phát triển nhận thức về những giá trị tích cực của tôn giáo. Trên cơ sở phân tích một cách khách quan và lịch sử cụ thể về hiện tượng tôn giáo, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ ra tính phức tạp, đa chiều trong sự tác động của tôn giáo đối với đời sống xã hội. Bên cạnh việc vạch rõ vai trò tiêu cực của tôn giáo khi tôn giáo bị các giai cấp bóc lột thống trị lợi dụng, các ông cũng đã chỉ ra mặt tích cực nhất định của tôn giáo. Khi phân tích lịch sử của đạo Cơ đốc sơ kỳ, Ph.Ăngghen chỉ ra rằng, lúc mới ra đời, tôn giáo này có những điểm tương đồng với phong trào công nhân hiện đại. "Cả đạo Cơ đốc lẫn chủ nghĩa xã hội công nhân đều tuyên truyền sự giải phóng con người trong tương lai khỏi cảnh nô lệ và nghèo khổ; đạo Cơ đốc tìm sự giải thoát ấy ở trên trời, ở thế giới bên kia sau khi chết, còn chủ nghĩa xã hội thì tìm nó ở thế giới bên này, ở việc tổ chức lại xã hội"¹⁴. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trân trọng những đóng góp tích cực của các tôn giáo trên lĩnh vực đạo đức, văn hoá. Người không những thấy rõ tính nhân bản, hướng thiện trong bản chất từ lúc tôn giáo ra đời mà còn chủ trương tiếp thu những giá trị đó để phục vụ cho cuộc sống của nhân dân.

Kế thừa và phát triển lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của tôn giáo, trong thời

kỳ đổi mới đất nước, Đảng ta đã khẳng định rõ những đóng góp tích cực của tôn giáo.

Trước hết, Đảng thừa nhận, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Trước đây, đã có ý kiến cho rằng, tôn giáo không có đạo đức riêng; một số ý kiến khác thừa nhận có đạo đức tôn giáo nhưng lại cho rằng đạo đức đó là hoàn toàn tiêu cực. Việc khẳng định có đạo đức tôn giáo và sự phù hợp của nhiều giá trị đạo đức tôn giáo với công cuộc xây dựng xã hội mới thể hiện thái độ khách quan và tư duy biện chứng của Đảng trong nhận thức về tôn giáo.

Mặt khác, nhận thức của Đảng về giá trị tích cực của tôn giáo trong thời kỳ đổi mới không chỉ giới hạn trong vấn đề đạo đức. Trong Văn kiện Đại hội IX và Văn kiện HNTƯ 7 (Khoá IX), Đảng ta đã đưa ra quan điểm: phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hoá, đạo đức trong tôn giáo để phục vụ công cuộc đổi mới đất nước. Quan điểm này thể hiện sự thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, đồng thời cho thấy Đảng đã kế thừa những thành quả mới nhất trong các nghiên cứu về tôn giáo trên thế giới. Từ quan điểm này của Đảng có thể thấy, bản chất của tôn giáo thuộc về văn hoá, và vì vậy, văn hoá tôn giáo là một trong những thành tố góp phần tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội.

Thứ tư, sự phát triển nhận thức của Đảng về tôn giáo thể hiện ở sự nhận thức về ranh giới rõ ràng giữa một bên là đồng bào các tôn giáo nằm trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và bên kia là các thế lực xấu luôn tìm cách lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho các mưu đồ chính trị xấu xa của chúng. Đồng thời, còn thể hiện rõ ở việc Đảng đã đề ra những nguyên tắc, biện pháp phù hợp trong công tác tôn giáo nhằm đảm bảo tự do tín ngưỡng, tôn giáo và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào có đạo.

Như vậy, trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời kế thừa những thành quả nghiên cứu đương đại về tôn giáo, Đảng ta đã phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác về tôn giáo lên một tầm cao mới. Sự đổi mới nhận thức của Đảng về tôn giáo không phải chỉ dừng lại ở "tư duy trừu tượng" mà đã được thể hiện và kiểm nghiệm trong đời sống thực tiễn. Chính vì vậy, nhận thức mới của Đảng về tôn giáo không những khắc phục được những nhận thức phiến diện của một bộ phận cán bộ, đảng viên đối với tôn giáo mà còn góp phần to lớn vào việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1,8. Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Khoá IX, CTQG, H, 2003, tr. 45

2. Văn kiện Đảng về Mặt trận dân tộc thống nhất (1930 - 1970), ST, H, 1971, tr. 24 - 26

3, 4. Văn kiện Đảng Toàn tập, CTQG, H, 2000, T.7, tr. 68-69, 150

5. Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992), CTQG, H, 1995, tr. 10

6. Trần Huy Liệu (Chủ biên): Lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam, NXB Văn Sử Địa, H, 1957, T.10, tr 43 - 44

7. Hồ Chí Minh Toàn tập, CTQG, H, 2000, T.4, tr.9

9. C.Mác - Ph.Ăngghen Toàn tập, CTQG, H, 1995, T.1, tr. 570 - 571

10. V.I. Lênin Toàn tập, NXB Tiến bộ, M, 1979, T.1, tr. 169 - 170

11, 12. C.Mác - Ph.Ăngghen Toàn tập, CTQG, H, 1993, T.23, tr.126

13. Sđd, T.20, tr. 439

14. Sđd, T.22, tr. 664.